

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ TÂN BÌNH

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	2 - 5
Báo cáo Kiểm toán	6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo kết lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 064111 ngày 31 tháng 8 năm 1998 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì, sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật, mỹ phẩm. Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử. Sản xuất, dân dụng, thư âm, thu hình (Audio - Video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - sản sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng

Vốn điều lệ của Công ty là 13.347.000.000 đồng.

Trụ sở: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú

Các đơn vị trực thuộc:

Tên	Địa chỉ
1. Nhà máy sản xuất xuất khẩu Alta: <ul style="list-style-type: none">- Xí nghiệp Nhựa xuất khẩu- Xưởng Hợp chất nhựa- Xí nghiệp hóa chất nguyên liệu composite- Xí nghiệp giấy Alta- Xí nghiệp in bao bì Alta	Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
2. Xí nghiệp In tổng hợp Alta <ul style="list-style-type: none">- Xưởng in Sách Giáo Khoa- Xưởng in sách Văn học Nghệ thuật	Số 105A, Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình Số 02 Thành Công, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú
<ul style="list-style-type: none">- Xưởng in Nhân hiệu sản phẩm- Xưởng in lụa	Số 08 Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình Số 27, Phạm Văn Hai, Phường 1, Quận Tân Bình

- | | |
|--|--|
| - Xưởng hoàn tất ấn phẩm | Số 203-205, Võ Thành Trang, Phường 11, Quận Tân Bình |
| 3. Xí nghiệp Bao bì Cao cấp | Số 47/4 Âu Cơ, Phường 9, Quận Tân Bình |
| 4. Trung tâm Chế bản và Kỹ thuật in | Số 9-11, Trương Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình |
| 5. Trung tâm Phát triển Sản phẩm | Số 600, Trương Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình |
| 6. Trung tâm Băng đĩa nhạc Trưng Dương | Số 169/8, đường Cách mạng tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình |
| 7. Trung tâm Giải trí | Số 91B, Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình |
| 8. Khởi cửa hàng Dịch vụ Văn hóa | |
| - Cửa hàng số 1 | Số 188, đường Cách mạng tháng 8, Phường 5, Quận Tân Bình |
| - Cửa hàng số 2 | Số 285, đường Cách mạng tháng 8, Phường 5, Quận Tân Bình |
| - Cửa hàng số 3 | Chợ Tân Bình, Phường 5, Quận Tân Bình |
| - Cửa hàng số 4 | Số 27, Phạm Văn Hai, Phường 1, Quận Tân Bình |
| - Cửa hàng số 5 | Số 27, Phạm Văn Hai, Phường 1, Quận Tân Bình |

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Việt Hải	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Ngạn	Ủy viên
Bà Thái Thị Phượng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điếu	Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Giám đốc tài chính

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thị Bích	Trưởng ban
Ông Lê Văn Sang	Ủy viên
Bà Quách Thị Mai Trang	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VAN HÒA TAN BÌNH
 Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Tân Thành, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan:

Tên	Chức danh	Số CP giữ đầu năm	Số CP giữ cuối năm	Tỷ lệ % trên tổng vốn cổ phần	Lý do thay đổi
Hội đồng quản trị:					
Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch Hội đồng quản trị	9.804	9.804	7,35%	
Bà Lai Thị Hồng Diệp	Phó CT Hội đồng quản trị	6.702	6.702	5,02%	
Ông Trịnh Việt Hải	Ủy viên	1.804	1.804	1,35%	
Ông La Thế Nhân	Ủy viên	3.200	3.200	2,40%	
Bà Thái Thị Phương	Ủy viên	1.322	1.322	0,99%	
Ông Nguyễn Văn Ngạn	Ủy viên	3.438	3.438	2,58%	
Ban kiểm soát:					
Bà Lý Thị Bích	Trưởng ban	-	500	0,37%	
Ông Lê Văn Sang	Ủy viên	258	258	0,19%	
Bà Quách Thị Mai Trang	Ủy viên	112	112	0,08%	

Số cổ phiếu do những người trong danh sách trên nắm giữ là quyền lợi cá nhân của họ. Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý và điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2005 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu tố đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Tân Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà Nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2006



Hoàng Văn Điều



Số: 274/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2005
của Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 03 năm 2006 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 được trình bày từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

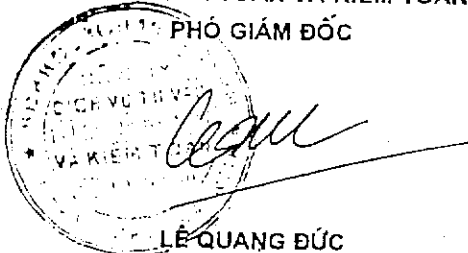
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2006

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÓ GIÁM ĐỐC



LÊ QUANG ĐỨC

Chứng chỉ KTV số: 0164/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN BẢO TRUNG

Chứng chỉ KTV số: 0373/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN		67.739.308.952	68.191.996.549
I Tiền và các khoản tương đương tiền	VI.1	5.443.405.923	4.743.610.188
1 Tiền		5.443.405.923	4.743.610.188
2 Các khoản tương đương tiền		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
III Các khoản phải thu	VI.2	20.132.727.397	22.339.909.841
1 Phải thu của khách hàng		18.821.063.848	18.045.174.622
2 Trả trước cho người bán		299.360.000	1.057.317.000
3 Phải thu nội bộ		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
5 Các khoản phải thu khác		1.247.057.408	3.472.172.078
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		(234.753.859)	(234.753.859)
IV Hàng tồn kho	VI.3	42.126.408.394	41.087.080.503
1 Hàng tồn kho		42.126.408.394	41.087.080.503
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		36.767.238	21.396.017
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		1.800.000	15.185.040
2 Các khoản thuế phải thu		-	-
3 Tài sản ngắn hạn khác	VI.2	34.967.238	6.210.977
B TÀI SẢN DÀI HẠN		63.751.099.792	65.190.831.459
I Các khoản phải thu dài hạn		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
2 Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
3 Phải thu dài hạn khác		-	-
4 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
II Tài sản cố định	VI.4	62.734.060.282	63.062.803.500
1 Tài sản cố định hữu hình		52.378.353.149	56.424.995.586
- Nguyên giá		86.444.994.905	83.221.503.266
- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.066.641.756)	(26.796.507.680)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
- Nguyên giá		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	VI.5	5.775.914.452	73.147.205
- Nguyên giá		6.133.174.193	77.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		(357.259.741)	(4.302.795)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	VI.6	4.579.792.681	6.564.660.709
III Bất động sản đầu tư		-	-
- Nguyên giá		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

(tiếp theo)

Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	VI.7	114.679.200	1.184.959.260
1 Đầu tư vào công ty con		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	1.129.959.260
3 Đầu tư dài hạn khác		114.679.200	55.000.000
4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)		-	-
V Tài sản dài hạn khác		902.360.310	943.068.699
1 Chi phí trả trước dài hạn	VI.8	902.360.310	943.068.699
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
3 Tài sản dài hạn khác		-	-
Tổng cộng tài sản		131.490.408.744	133.382.828.008

5. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I: Nguyên giá TSCĐ HH			
1. Số dư đầu kỳ	-	77.450.000	77.450.000
2. Số tăng trong kỳ	6.055.724.193	-	6.055.724.193
- Mua trong năm	6.055.724.193	-	6.055.724.193
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	6.055.724.193	77.450.000	6.133.174.193
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu kỳ	-	4.302.795	4.302.795
2. Khấu hao trong kỳ	327.140.278	25.816.668	352.956.946
- Trích khấu hao	327.140.278	25.816.668	352.956.946
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	327.140.278	30.119.463	357.259.741
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu kỳ	-	73.147.205	73.147.205
2. Cuối kỳ	5.728.583.915	47.330.537	5.775.914.452

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí XDCB dở dang	4.579.792.681	6.564.660.709
<i>Trong đó các công trình lớn:</i>		
+ Dây truyền sản xuất composite	415.132.381	234.180.000
+ Công trình Nhà máy Alta	228.981.800	295.119.112
+ Chi phí thiết kế TT thương mại Lạc Hồng	230.050.100	91.350.100
+ Tiền thuê đất KCN Tân Tạo	3.705.628.400	-
+ Chi phí quyền sử dụng đất tại KCN Tân Bình	-	5.914.892.195

7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn
 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay	Năm trước
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	1.129.959.260
- Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	114.679.200	55.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
- Giá trị thuần của đầu tư chứng khoán dài hạn	114.679.200	1.184.959.260
Cộng	114.679.200	1.184.959.260

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
- Dư đầu năm	943.068.699	768.899.099
- Tăng trong năm	358.020.000	685.671.998
- Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	398.728.389	511.502.398
Số cuối năm	902.360.310	943.068.699

9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
- Vay ngắn hạn	36.124.852.795	33.691.989.121
- Nợ dài hạn đến hạn trả	8.121.978.000	7.584.772.228
Cộng	44.246.830.795	41.276.761.349

10. Phải trả người bán và người mua trả trước

	Năm nay	Năm trước
- Phải trả người bán	12.469.484.684	16.981.322.737
- Người mua trả tiền trước	1.363.322.164	1.958.393.374
Cộng	13.832.806.848	18.939.716.111

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Năm nay	Năm trước
Thuế phải nộp Nhà nước	1.544.599.197	2.036.751.696
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	407.976.829	1.326.010.333
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	28.253.599	120.623.874
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	748.103.716	462.247.713
- Thuế Tài nguyên	-	-
- Thuế đất, tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	360.265.053	127.869.776
Cộng	1.544.599.197	2.036.751.696

12. Chi phí phải trả

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí phải trả	96.588.086	52.632.117
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	26.757.554	14.790.911
Cộng	123.345.640	67.423.028

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Năm nay	Năm trước
- Tài sản chờ xử lý	41.737.023	24.686.010
- Kinh phí công đoàn	135.285.486	102.204.762
- Bảo hiểm xã hội	129.958.798	369.197.231
- Bảo hiểm y tế	162.267.144	90.431.640
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Quỹ quản lý của cấp trên	-	-
- Cổ tức phải trả	3.492.368.800	2.800.643.800
- Các khoản phải nộp khác	1.872.344.828	2.452.126.519
Cộng	5.833.962.079	5.839.289.962

14. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	10.058.149.467	13.825.204.921
- Quỹ hỗ trợ phát triển	2.300.000.000	2.400.000.000
- Vay các đối tượng khác	19.411.159.941	16.732.743.941
Nợ dài hạn		
- Wanderpak Development Pte Ltd	11.098.212.500	11.003.134.900
Cộng	42.867.521.908	43.961.083.762

15. Vốn kinh doanh

15.1. Vốn điều lệ theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 13.347.000.000 đồng tương ứng với 133.470 cổ phiếu

Số cổ phiếu được phép phát hành là 133.470 cổ phiếu

Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ là 133.470 cổ phiếu

Số cổ phiếu đã được phát hành nhưng chưa được góp vốn đầy đủ là 0 cổ phiếu

Đến thời điểm 31/12/2005, vốn kinh doanh của Công ty là 16.634.594.006 đồng. Trong đó:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ		Số tiền	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Vốn góp	80,24%	83,80%	13.347.000.000	13.347.000.000
Do pháp nhân nắm giữ	27,48%	28,71%	4.572.000.000	4.572.000.000
Do thể nhân nắm giữ	52,75%	55,10%	8.775.000.000	8.775.000.000
Thặng dư vốn				
Vốn khác	19,76%	16,20%	3.287.594.006	2.579.741.815
Tổng cộng	100%	100%	16.634.594.006	15.926.741.815

15.2 Cổ phiếu mua lại

Chỉ tiêu	Số lượng		Số tiền	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu mua lại đầu năm	5.906	-	592.601.600	-
- Cổ phiếu loại ghi danh	4.626	-	464.601.600	-
- Cổ phiếu loại vô danh	1.280	-	128.000.000	-
Cổ phiếu do chính Công ty mua lại trong năm	-	5.906	-	592.601.600
- Cổ phiếu loại ghi danh	-	4.626	-	464.601.600
- Cổ phiếu loại vô danh	-	1.280	-	128.000.000
Cổ phiếu quỹ do Công ty bán lại trong năm	500	-	50.000.000	-
- Cổ phiếu loại ghi danh	-	-	-	-
- Cổ phiếu loại vô danh	500	-	50.000.000	-
Cổ phiếu mua lại cuối năm	5.406	5.906	542.601.600	592.601.600
- Cổ phiếu loại ghi danh	4.626	4.626	464.601.600	464.601.600
- Cổ phiếu loại vô danh	780	1.280	78.000.000	128.000.000

15.3 Phân phối lợi nhuận

	Số tiền (VND)
- Số lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	3.143.281.992
- Số lợi nhuận chưa chia năm trước chuyển sang	2.638.757.165
- Số lợi nhuận tích lũy	5.782.039.157
- Tăng vốn chủ sở hữu	707.852.191
- Số lợi nhuận trích lập các quỹ	329.264.974
+ Quỹ dự phòng tài chính	231.708.597
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	97.556.377
- Số lợi nhuận trả cổ tức phân chia cho cổ đông	1.601.640.000
- Số lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	3.143.281.992

15.4 Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng		Số cuối kỳ
		trong năm	Giảm trong năm	
- Quỹ đầu tư phát triển	526.026.547	-	-	526.026.547
- Quỹ dự phòng tài chính	1.510.181.837	231.708.597	-	1.741.890.434
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	471.209.203	273.478.861	208.670.908	536.017.156
Cộng	2.507.417.587	505.187.458	208.670.908	2.803.934.137

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty trở lên tại ngày 31/12/2005

Tên cổ đông	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng vốn cổ phần	Loại cổ phiếu
Công ty SXKD - XNK Giấy in và Bao bì LIKSIN	45.720	34,25%	Cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập
Ông Hoàng Văn Điều	9.804	7,35%	Cổ phiếu ghi danh
Bà Lại Thị Hồng Diệp	6.702	5,02%	Cổ phiếu ghi danh

15.5 Cơ cấu vốn cổ phần

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cổ phiếu	Tỷ lệ %
1. Cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện	106.079	79,48%	106.587	79,86%
- Cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập	45.720	34,25%	45.720	34,25%
- Cổ phiếu ghi danh khác	60.359	45,22%	60.867	45,60%
2. Cổ phiếu được tự do chuyển nhượng	27.391	20,52%	26.883	20,14%
- Cổ phần phổ thông	27.391	20,52%	26.883	20,14%
Cộng	133.470	100%	133.470	100%
1. Cổ phiếu do tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ	-	0,00%	-	0,00%
2. Cổ phiếu do tổ chức, cá nhân trong nước nắm giữ	133.470	100,00%	133.470	100,00%
Cộng	133.470	100%	133.470	100%

16. Doanh thu

16.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng doanh thu	165.361.584.583	161.469.766.014
+ Doanh thu bán hàng	161.859.543.797	157.041.152.238
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.502.040.786	4.428.613.776
- Các khoản giảm trừ doanh thu	515.803.723	684.387.041
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	1.225.120	-
+ Hàng bán bị trả lại	514.578.603	684.387.041
+ Thuế GTGT phải nộp (trực tiếp)	-	-
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	164.845.780.860	160.785.378.973
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	161.343.740.074	156.356.765.197
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	3.502.040.786	4.428.613.776

16.2. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	270.605.257	287.490.414
- Chênh lệch tỷ giá	21.278.561	23.716.317
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	249.326.696	263.774.097

17. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hoá	153.650.150.877	152.320.815.882
Tổng cộng	153.650.150.877	152.320.815.882

18. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí hoạt động tài chính	5.255.397.021	3.238.408.959
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
- Lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ	-	-
Tổng cộng	5.255.397.021	3.238.408.959

19. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.587.534.325	124.831.030.775
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.114.915.702	1.849.047.895
- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	9.300.254.543	8.395.100.940
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.727.368.990	7.234.539.346
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.979.803.329	8.123.963.387
- Chi phí khác bằng tiền	2.247.258.521	6.110.861.174
Tổng cộng	164.957.135.410	156.544.543.518

20. Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính và Công văn số 14727/CT-TTHT ngày 06/12/2005 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh trả lời về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Công ty

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.143.281.992	2.552.242.739
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng		279.166.025
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
- Tổng thu nhập chịu thuế	3.143.281.992	2.831.408.764
- Thuế TNDN phải nộp		
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.143.281.992	2.552.242.739

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Từ ngày năm tài chính 2005, việc hạch toán Bất động sản đầu tư, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh, Trình bày Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con, và Thông tin về các bên liên quan được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán đợt 3 ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2003.

Các quy định mới được áp dụng từ năm 2005 và không thực hiện điều chỉnh đối với số dư đầu kỳ.

Ngoài ra, trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu năm nay.

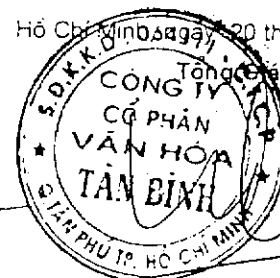
Người lập

Nguyễn Thị Trâm Ny

Kế toán trưởng

Lê Thị Thiệt

Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 03 năm 2006



Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Điều